TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ – ST
Ngày 17 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Hiếu;

Ông Đoàn Minh Lý;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023, về vụ kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX - ST, ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng S, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Châu Minh T, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(Chị S có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Hồng S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Châu Minh T cưới nhau và về sống chung năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2018, ngày 08 tháng 3 năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Trước đây, anh T đã kết hôn, ly hôn với người phụ nữ khác và có một người con riêng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung ở nhà mẹ của anh T tại ấp D, xã L, đến tháng 6 năm 2022 vợ, chồng mở quán cà phê nên dọn đến khu phố H, thị trấn C, huyện C chung sống. Vợ, chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc đến khi mở quán cà phê thì phát sinh

nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm nên chuyện ai nấy làm, không trao đổi nhau. Ngoài ra, anh T không dành thời gian nhiều cho con và được biết anh T đang có quen người phụ nữ khác. Do không thể sống chung được nên vợ, chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 12/2022 đến nay, chị ở quán cà phê, còn anh T ban ngày làm ở Công ty còn tối về ở nhà mẹ anh T. Khi phát hiện anh T quen người phụ nữ khác, chị đều đề nghị ly hôn nhưng anh T xin lỗi, xin sửa đổi nên chị bỏ qua để đoàn tụ. Do anh T quan hệ bên ngoài với nhiều người phụ nữ khác, cộng với việc vợ, chồng sống chung bất đồng nhiều quan điểm, không quan tâm đến nhau nên cuộc sống chung ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Khoảng thời gian ly thân, vợ chồng có trao đổi để hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay chị xét thấy cuộc sống chung vợ, chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Châu Minh T.

Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi người con Đặng Vĩ Phương Ý, sinh ngày 17/12/2020 và Đặng Vĩ Băng D, sinh ngày 28/11/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Đặng Châu Minh T không có mặt nhưng tại phiên hòa giải anh T trình bày: Về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân như chị S trình bày.

Về mâu thuẫn dẫn đến ly hôn anh thừa nhận chị S trình bày là đúng nhưng anh không đồng ý ly hôn vì muốn sống chung để con có cha, mẹ. Tuy nhiên, nếu chị S vẫn cương quyết xin ly hôn thì tùy theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khi mở quán cà phê thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thỉnh thoảng có cải nhau trong việc mua bán kinh doanh. Chị S quản lý quán cà phê, còn anh quản lý công ty Đ kế quán cà phê. Anh có đưa rước con đi học, cũng có phụ chị S chăm sóc con nhưng vì có công việc nên không gần gũi con nhiều như chị S. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 12/2022 đến nay, chị S ở quán cà phê, còn anh ban ngày làm việc ở công ty tối về nhà mẹ ruột ở xã L ngủ. Trong khoảng thời gian ly thân anh có đi chơi với người phụ nữ khác như là bạn bè, không có sống chung như vợ, chồng. Khoảng thời gian ly thân, anh có khuyên vợ suy nghĩ lại thay đổi ý định ly hôn nhưng không có kết quả, chị S không muốn sống chung với anh. Thời gian ly thân không ai còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống.

Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Đặng Vĩ Phương Ý, sinh ngày 17/12/2020 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý được trực tiếp nuôi cháu Đặng Vĩ Băng D, sinh ngày 28/11/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng S với bị đơn anh Đặng Châu Minh T đang cư trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Đặng Châu Minh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T là đúng pháp luật.

[2] Nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng S và anh Đặng Châu Minh T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng S và anh Đặng Châu Minh T: Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung vợ, chồng giữa chị S và anh T thời gian đầu có hạnh phúc, về sau bất đồng nhiều quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, không hàn gắn được. Theo chị S cho rằng anh T ít quan tâm đến các con. Ngoài ra, anh T còn có quen người phụ nữ khác. Do không thể sống chung được nên chị S với anh T đã ly thân, thời gian ly thân không còn ai quan tâm đến ai, mà bỏ mặt lẫn nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T hợp lệ. Lần hai anh T biết có đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải chị S và anh T mỗi người trình bày mỗi quan điểm, không ai có thiện chí tìm phương hướng, cách giải quyết tốt nhất để đoàn tụ nên không có kết quả. Anh T thừa nhận chị S trình bày mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến chị S làm đơn yêu cầu ly hôn là đúng nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì muốn sống chung để con có cha, mẹ. Tuy nhiên, nếu chị S vẫn cương quyết xin ly hôn thì tùy theo quy định của pháp luật để giải quyết. Tại phiên tòa chị S vẫn cương quyết xin ly hôn. Do vậy, xét thấy trên thực tế hôn nhân giữa chị S và anh T không còn. Từ đó, cho thấy mục đích hôn nhân giữa chị S và anh T không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S với anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị S và anh T có hai người con Đặng Vĩ Phương Ý, sinh ngày 17 tháng 12 tháng 2020 và Đặng Vĩ Băng D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2018. Tại phiên hòa giải chị S và anh T thống nhất giao người con Đặng Vĩ P Ý, cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng, giao người con Đặng Vĩ Băng D, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người con Đặng Vĩ Băng D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2018 chưa đủ 07 tuổi và trên 03 tuổi, tại phiên tòa anh T vắng mặt còn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con nên anh T và chị S không có thỏa thuận được việc nuôi con. Việc giao người con Đặng Vĩ B Di cho ai thì Tòa án xem xét tốt nhất quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Anh T thừa nhận có phụ chị S chăm sóc con nhưng vì công việc nên không gần gũi, chăm sóc con nhiều như chị S. Từ khi sinh các con ra lớn lên đã do chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con đảm bảo tốt quyền lợi về mọi mặt. Do vậy, để người con Đặng Vĩ B Di cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Cháu Đặng Vĩ Phương Ý, sinh ngày 17 tháng 12 tháng 2020 chưa đủ 36 tháng tuổi, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con và chị S có đủ điều kiện để nuôi con nên giao cháu Ý cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S là người yêu cầu trực tiếp nuôi hai người con, do chị S có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của chị S là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T xác nhận không có.

[2.4] Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng chị Lê Thị Hồng S phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Hồng S với anh Đặng Châu Minh T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng S được ly hôn với anh Đặng Châu Minh T.

2. Về con chung: Giao người con Đặng Vĩ Phương Ý, sinh ngày: 17 tháng 12 năm 2020 và người con Đặng Vĩ Băng D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2018, cho chị Lê Thị Hồng S được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu;

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha,

mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai số 0011586 ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Long An, số 12/2018 Ngày 08/3/2018;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tuấn Đức